

Bản án số: 58/2026/HS-PT

Ngày: 08 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Bà Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Cao Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (Cơ sở C) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2026/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo Trần Văn T, do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2025/HS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2026/HSPT-QĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2026.

1. Bị cáo có kháng cáo: **TRẦN VĂN T**, sinh ngày 11/5/1966 tại Hoà Bình. Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số 01706005995; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn N và bà Vũ Thị N1 (đều đã chết); bị cáo có vợ là Đoàn Thị L; bị cáo không có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 10/10/2024 đến ngày 14/01/2025. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại có kháng cáo: Ông Đặng Đình T1, sinh năm 1961; Người giám hộ cho ông T1: Bà Nguyễn Quỳnh M, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: A, khu B, ngõ A, Đ, phường N, TP Hà Nội. Bà M đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M: Ông Nguyễn Ngọc K và bà Lê Thúy Q – Luật sư thuộc Công ty L2; Địa chỉ: Số A, ngõ B, phố H, phường B, thành phố Hà Nội. Ông K và bà Q vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

3.1. Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1959; Địa chỉ: B T, P, P, TP Hà Nội. Có

mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2: Ông Nguyễn Xuân T3 và ông Nguyễn Quốc H - Luật sư thuộc Công ty L3. Vắng mặt.

3.2. Công ty Cổ phần P; Địa chỉ: xóm V, xã T, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tống Hùng K1, sinh năm 1984 - Chức vụ: Giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thu H1, sinh năm 1993, địa chỉ: tổ A, phường H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị:

4.1. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1969; Địa chỉ: xóm V, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

4.2. Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1966; Địa chỉ: xóm Q, xã T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

4.3. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1964; Địa chỉ: xóm V, xã T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

4.4. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1956; Địa chỉ: xóm B, xã T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

4.5. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: xóm Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

4.6. Ông Nguyễn Đắc H3, sinh năm 1984; Địa chỉ: xóm H, xã T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

4.7. Bà Nguyễn Quỳnh M, sinh năm 1962; Địa chỉ: A, khu B, ngõ A, Đ, phường N, TP Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Bản án sơ thẩm số: 02/2016/HS-ST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là TAND khu vực 12, tỉnh Phú Thọ) đã tuyên: “*Xử phạt Nguyễn Thanh H2 07 năm tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông Trần Văn T phải giao thừa đất lâm nghiệp số 07, tờ bản đồ số 01, diện tích 44.000m² thuộc xóm V, xã P, huyện K (nay là xã T, thành phố H), tỉnh Hòa Bình và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn L1 cho ông Nguyễn Đức T2*”.

Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên do không có tiền trang trải việc làm ăn, Trần Văn T đã nảy sinh ý định không trả thừa đất trên cho ông Nguyễn Đức T2 mà bán thừa đất số 07 cho người khác. Ngày 27/06/2018, T thoả thuận bán thừa đất trên cho ông Đặng Đình T1 với giá 1.200.000.000 đồng (trong đó: T đưa lại cho ông T1 350.000.000đ để ông T1 trả tiền cây trên đất cho ông Nguyễn Văn T4 số tiền 300.000.000 đồng, còn 50.000.000đ ông T1 giữ lại làm thủ tục chuyển nhượng; số tiền 550.000.000 đồng ông T1 trả tiền mua tài sản trên đất gồm cây cối, nhà gỗ 03 gian, công trình phụ của T). Khi bán, T không nói cho

ông T1 biết thửa đất này đang phải thi hành án và cũng không nói cho ông T2 biết. T đã lập hợp đồng chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L1 sang cho ông Đặng Đình T1, số tiền bán đất và tài sản trên đất T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 18/12/2018 ông Nguyễn Đức T2 làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình thi hành án phần trách nhiệm dân sự được nêu tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn thì phát hiện Trần Văn T đã chuyển nhượng thửa đất số 07 cho ông Đặng Đình T1.

* Đối với quá trình cấp GCNQSDĐ thửa 437, 438:

Ngày 20/01/2015, Cơ quan CSĐT thông báo việc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 01, diện tích 44.000m² thuộc xóm V, xã P, huyện K, tỉnh Hòa Bình và GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn L1 hiện đang là vật chứng của vụ án hình sự và đề nghị Phòng TNMT huyện K không xác nhận hay thực hiện việc thế chấp, chuyển nhượng hoặc cấp mới, cấp đổi GCNQSDĐ đối với thửa đất này.

Ngày 24/01/2015, Phòng TN&MT huyện K nhận được Công văn số 101/CSĐT-PC45 đề ngày 21/01/2015 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H v/v đề nghị UBND huyện K và Phòng TN&MT huyện K, UBND xã P, chính quyền thôn V, xã P không xác nhận hay chứng thực việc chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, tặng cho hoặc thừa kế, cấp đổi hoặc cấp mới đối với thửa đất số 07.

Ngày 10/8/2018, cán bộ tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 07 giữa ông Nguyễn Văn L1 và ông Đặng Đình T1, thấy hồ sơ đủ các giấy tờ theo quy định nên tiếp nhận và chuyển cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K để giải quyết. Khi làm thủ tục chuyển nhượng, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K đã giao cán bộ chi nhánh giải quyết hồ sơ. Quá trình tiến hành trích đo lại diện tích đất thì diện tích thửa đất số 07 tăng từ 44.000m² lên 57.521,1m² (do thửa đất số 07 được cấp theo kết quả đo đạc năm 1998 có độ chính xác không cao, diện tích theo bản đồ 672 thì thửa 07 có chông dè sang các thửa đất 287 của hộ ông Nguyễn Văn T4, thửa đất số 275 của hộ ông Nguyễn Văn C, thửa đất số 268 của hộ bà Nguyễn Thị Q1, nhưng trên ranh giới thực tế đang sử dụng thửa 07 không chông lấn lên các thửa đất 287, 275, 268, giữa các thửa đất đã có mốc ranh giới rõ ràng) và giữa thửa đất 07 có con đường rộng 4m đi ngang qua. Do thửa đất 07 được sử dụng ổn định, không tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, UBND xã P đã xác nhận làm căn cứ để chỉnh lý bản đồ. Sau khi thẩm tra hồ sơ đất đai, ông Bùi Văn T5 báo cáo ông Đỗ Đức H4 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ký phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Ngày 23/8/2018, Chi cục thuế huyện K có Thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất số tiền 3.451.266 đồng và Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản số tiền 13.508.064 đồng. Cùng ngày, Trần Văn T đến Chi cục thuế huyện K nộp toàn bộ số tiền thuế trên và ghi tên người nộp là Nguyễn Văn L1 (do người đứng tên trong GCNQSDĐ và Hợp đồng chuyển nhượng mang tên Nguyễn Văn L1).

Sau khi Trần Văn T nộp đủ tiền thuế theo quy định, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K đã chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H

đề nghị cấp GCNQSDĐ cho ông Đặng Đình T1. Ngày 07/9/2018, Sở T và môi trường cấp cho ông Đặng Đình T1 02 GCNQSDĐ, gồm: GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 437, tờ bản đồ số 01, diện tích 35.494.0m²; GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 438, tờ bản đồ số 01, diện tích 22.027.0m², cùng thuộc xóm V, xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Ngày 21/6/2019, ông Đặng Đình T1 và vợ bà Nguyễn Quỳnh M đã chuyển nhượng thửa đất số 437 cho Công ty cổ phần P với giá 2.129.640.000 đồng.

Tháng 7/2019 Công ty làm các thủ tục sang tên đối với thửa đất 437 thì Sở T từ chối tiếp nhận làm thủ tục vì lý do Cơ quan Thi hành án dân sự huyện K đã có công văn ngày 24/5/2019 đề nghị thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông Đặng Đình T1.

Ngày 26/01/2020 ông Đặng Đình T1 bị tai nạn giao thông, dẫn đến phải mổ não và bị liệt tứ chi. Tại Quyết định số 86/2020/QĐST-VDS ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tuyên bố ông Đặng Đình T1 bị mất năng lực hành vi dân sự.

- Bà Nguyễn Quỳnh M – là vợ và là người giám hộ của ông Đặng Đình T1 có quan điểm: Bà M không biết việc mua bán đất giữa ông T1 và bị cáo Trần Văn T, bà đề nghị trong trường hợp phải trả lại toàn bộ thửa đất số 07, tờ bản đồ số 01 thì yêu cầu bị cáo Trần Văn T phải trả lại số tiền cho ông T1 theo giá trị thực tế của thửa đất nêu trên tại thời điểm Tòa xét xử.

- Ông Nguyễn Đức T2 đề nghị Tòa tuyên buộc ông Đặng Đình T1 và bà Nguyễn Quỳnh M trả lại thửa đất lâm nghiệp số 07, tờ bản đồ số 01, diện tích 44.000m² thuộc xóm V, xã T, tỉnh Phú Thọ như quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn đã tuyên có hiệu lực pháp luật.

- Ông Tống Hùng K1 - Giám đốc Công ty cổ phần P có yêu cầu tiếp tục được hoàn thiện thủ tục để chuyển quyền sử dụng thửa đất số 437, tờ bản đồ số 01, diện tích 35.494m², địa chỉ: xóm Đ, xã T, tỉnh P mang tên ông Đặng Đình T1 để Công ty tiếp tục sử dụng thửa đất trên. Trường hợp Tòa buộc công ty phải trả lại thửa đất số 437 đã mua từ ông T1 và bà M, Ông K1 yêu cầu ông T1 và bà M phải trả lại số tiền 2.129.640.000 đồng là số tiền đã mua đất, cộng với lãi suất ngân hàng tính từ thời điểm mua và bồi thường toàn bộ tài sản trên đất tại thời điểm xét xử.

- Ông Nguyễn Văn T4 đã nhận của ông Đặng Đình T1 số tiền 300.000.000 đồng để bán cây đã trồng trên thửa đất lâm nghiệp số 07, hiện ông T4 cho rằng ông và ông T1 đã thỏa thuận mua bán cây, ông T1 đã được sử dụng số cây ông T4 trồng, nên ông T4 không trả lại số tiền trên.

- Đối với số tiền 550.000.000 đồng bị cáo T đã nhận của ông T1 để bán cây cối, nhà và công trình phụ trên thửa đất lâm nghiệp số 07 cho ông T1. Hiện T cho rằng đã bán cây và tài sản trên đất, ông T1 được sử dụng số tài sản đã mua, nên bị cáo không đồng ý trả lại số tiền trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân, phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

2. Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2025/HS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2024 đến ngày 14/01/2025.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Xác nhận bị cáo Trần Văn T đã nộp số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại ông Nguyễn Đình T6 theo Biên lai thu tiền số 0000898 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Người giám hộ cho ông Đặng Đình T1 - bà Nguyễn Quỳnh M có quyền liên hệ với Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để nhận số tiền trên.

Bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm phải giao trả lại cho bị hại ông Đặng Đình T1 (người giám hộ của bị hại bà Nguyễn Quỳnh M) số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tạm giao cho ông Nguyễn Đức T2 được quản lý thửa đất số 437, tờ bản đồ số 01, diện tích 35.494.0m², địa chỉ: xóm V, xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ).

+ Tạm giao cho ông Nguyễn Đức T2 được quản lý thửa đất số 438, tờ bản đồ số 01, diện tích 22.027.0m², địa chỉ: xóm V, xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. Ngày 02/11/2025 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Ngày 04/11/2025 bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cải biện pháp chấp hành hình phạt. Ngày 07/11/2025, người giám hộ của bị hại có đơn kháng cáo về phần xử lý vật chứng, đề nghị không tạm giao 02 thửa đất cho ông T2 quản lý. Ngày 11/12/2025, Công ty cổ phần P có đơn kháng cáo về phần xử lý vật chứng không tạm giao 02 thửa đất cho ông T2 quản lý, phải bảo toàn hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất, cho phép công ty tiếp tục trông nom, chăm sóc số tài sản trên để đảm bảo quyền lợi của công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin hưởng án treo, những người kháng cáo khác giữ nguyên kháng cáo.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về thời hạn kháng cáo và thủ tục thực hiện quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện trong thời hạn và đúng hình thức theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, sửa phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo là: Giữ nguyên hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo. Sửa phần xử lý vật chứng: Không tạm giao cho ông Nguyễn Đức T2 tạm thời quản lý thửa đất số 437 và 438 (thửa đất 07 cũ) mà đề nghị tiếp tục thi hành theo Bản án số 02/2016/HS-ST ngày 06/01/2016 của TAND huyện Kỳ Sơn đã có hiệu lực pháp luật. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức T2 đối với nội dung xác định tội danh và hình phạt đối với bị cáo. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Quỳnh M và Công ty P.

Căn cứ Điều 265 Bộ luật Tố tụng hình sự, kiến nghị đối với các cơ quan có thẩm quyền và cơ quan liên quan bao gồm: Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ - liên quan đến việc thi hành án của Bản án số 02/2016; Chính quyền địa phương và Văn phòng Đ - liên quan đến việc thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 07 (nay là thửa 437, 438) và tiến hành các thủ tục cần thiết để cấp GCNQSDĐ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Đức T2. Ông T2 có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục về thi hành án, thủ tục được cấp GCNQSDĐ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, những người tham gia tố tụng không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, bị cáo, người giám hộ của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2 có đơn kháng cáo bản án. Đối với Công ty cổ phần P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, ngày 28/11/2025 công ty nhận được bản án, ngày 11/12/2025 có đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần P đã có ủy quyền hợp lệ tham gia phiên tòa nên được chấp nhận. Bà Nguyễn Quỳnh M là người giám hộ cho bị hại đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Bị cáo đã được nhận và biết nội dung quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2016/HSST ngày 06/01/2016 của TAND huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình là Trần Văn T có trách nhiệm trả lại thửa đất số 07 và GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn L1 cho ông Nguyễn Đức T2. Tuy nhiên vào ngày 27/6/2018, do không có tiền để chi tiêu cá nhân nên bị cáo đã tự ý bán thửa đất nêu trên cho ông Đặng Đình T1 với giá 300.000.000 đồng; bị cáo không thông báo cho ông T1 biết thửa đất số 07 đang phải thi hành án phải trả lại cho ông Nguyễn Đức T2. Đồng thời, bị cáo cũng không thông báo việc bán đất cho ông T2.

Trong quá trình điều tra, bà Đoàn Thị L là vợ của bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1,2 tỷ đồng. Lý do việc giao nộp số tiền trên bị cáo T khai nhận trong tổng số 1,2 tỷ đồng hai bên thoả thuận giao dịch khi đó bao gồm: 300.000.000đ tiền đất và 550.000.000đ tiền tài sản và cây trồng trên đất, bị cáo T đưa lại cho ông T1 350.000.000 đồng (trong đó ông T1 trả cho ông T4 300 triệu đồng tiền mua cây, 50 triệu đồng ông T1 giữ lại làm thủ tục chuyển nhượng). Xét thấy lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của ông T4 về việc ông T1 có thanh toán số tiền cây 300 triệu đồng và phù hợp với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L1 cùng vợ và ông T1 lập ngày 27/6/2018 tại Văn phòng C1. Mặt khác, bản thân bị hại ông Đặng Đình T1 và vợ là bà Nguyễn Quỳnh M (người giám hộ cho ông T1), trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không cung cấp được các giấy tờ, căn cứ nào khác để chứng minh về số tiền giao dịch cụ thể và thoả thuận giữa các bên trong giao dịch chuyển nhượng thửa đất mà bị cáo T đã thực hiện. Do đó, cấp sơ thẩm xác định tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền là 300.000.000 đồng là có cơ sở và đã xét xử bị cáo Trần Văn T về “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Văn T.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại cấp sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình nộp số tiền 300 triệu đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả, bồi thường cho bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 36 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tiếp tục tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại ông Đặng Đình T1 số tiền là 550.000.000 đồng và người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại). Ngoài ra bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ thể hiện, hiện nay bị cáo tuổi đã cao, bản thân bị mắc nhiều bệnh như tiểu đường, huyết áp, thường xuyên phải điều trị, thăm khám sức khỏe, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, luôn chấp hành

chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nơi cư trú. Do vậy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội chỉ cần giữ nguyên mức hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và không trái với Điều 65 BLHS và văn bản hợp nhất số 03/VBHN - TANDTC ngày 10/7/2025 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2 về xử lý vật chứng, ông T2 không nhất trí việc tạm giao cho ông quản lý sử dụng thửa đất số 437 và thửa 438. Hội đồng xét xử xét thấy, 02 thửa đất trên là được tách ra từ thửa đất số 07, tờ bản đồ 01, địa chỉ: xóm V, xã T, tỉnh Phú Thọ. Tại Bản án sơ thẩm số: 02/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình đã có hiệu lực pháp luật tuyên xử: “*Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông Trần Văn T phải giao thửa đất lâm nghiệp số 07, tờ bản đồ số 01, diện tích 44.000m² thuộc xóm V, xã P, huyện K (nay là xã T, thành phố H), tỉnh Hòa Bình và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn L1 cho ông Nguyễn Đức T2*”. Do đó ông T2 có quyền liên hệ đến cơ quan thi hành án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý về đất đai để được thi hành quyết định trên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cấp sơ thẩm tuyên tạm giao 02 thửa đất số 437 và 438 (trước đây là thửa đất số 07) tờ bản đồ 01 cho ông Nguyễn Đức T2 là chưa chính xác.

[2.4] Xét kháng cáo của người giám hộ của bị hại, Công ty cổ phần P không đồng ý với việc cấp sơ thẩm tuyên tạm giao 02 thửa đất cho ông Nguyễn Đức T2 và được tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất trên; yêu cầu giải quyết về quan hệ dân sự trong vụ án này. Xét thấy các thửa đất số 437 và 438 có nguồn gốc được tách từ thửa đất số 07, tờ bản đồ số 01, diện tích 44.000m². Đối với thửa đất số 07, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình đã có hiệu lực pháp luật, đã tuyên giao trả cho ông Nguyễn Đức T2 quản lý. Do đó như đã nhận định việc xem xét nguồn gốc tài sản để quyết định giao cho ông T2 thửa đất số 07 là có căn cứ.

Trong vụ án này, các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến các thửa đất nêu trên phát sinh qua nhiều chủ thể, có tính chất phức tạp và đã được Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự xác định cần tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự trong vụ án khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2. Không chấp nhận kháng cáo của người giám hộ của bị hại và Công ty cổ phần P.

[4] Về án phí: Do bản án bị sửa nên bị cáo, người giám hộ của bị hại, ông Nguyễn Đức T2, Công ty cổ phần P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 23, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2. Không chấp nhận kháng cáo của người giám hộ của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần P.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2025/HS-ST ngày 28/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ. Cụ thể:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo qui định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Xác nhận bị cáo Trần Văn T đã nộp số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại ông Đặng Đình T1 theo Biên lai thu tiền số 0000898 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Người giám hộ cho ông Đặng Đình T1 - bà Nguyễn Quỳnh M có quyền liên hệ với Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để nhận số tiền trên.

- Xác nhận bị cáo Trần Văn T đã trả đủ số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) cho người bị hại ông Đặng Đình T1.

3. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi 02 GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp cho ông Đặng Đình T1 ngày 07/9/2018 tại: xóm V, xã P, huyện K, tỉnh Hòa Bình (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ), cụ thể: GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN979312, số vào sổ cấp GCN CS00073 tại thửa đất 437, tờ bản đồ số 01, diện tích 35.494m²; GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN979313, số vào sổ cấp GCN CS00074 tại thửa đất 438, tờ bản đồ số 01, diện tích 22.027m².

4. Ông Nguyễn Đức T2 có quyền liên hệ đến cơ quan thi hành án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý về đất đai để được cấp GCNQSDĐ đối 02 thửa đất số 437 và 438.

5. Tách phần trách nhiệm dân sự của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bị hại, liên quan đến các giao dịch chuyển nhượng thửa đất số 437, 438 để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Những người này có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự độc lập.

6. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn T, người giám hộ của bị hại là bà Nguyễn Quỳnh M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T2, Công ty cổ phần P không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2026).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 - Phú Thọ;
- TAND khu vực 12 - Phú Thọ;
- Phòng THADS KV 12- Phú Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trường Sơn

